

TUẦN 15

TOÁN (TĂNG)

LUYỆN TẬP: GÓC VUÔNG, GÓC KHÔNG VUÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- củng cố cách nhận biết góc vuông, góc không vuông.
- củng cố kỹ năng đọc tên góc vuông, góc không vuông theo đỉnh và cạnh.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực vào hoạt động vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu HT
- HS: ê ke

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

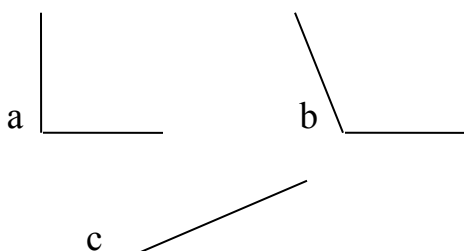
1. Khởi động

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS chơi trò chơi trò chơi “Truyền điện” để kể tên các đồ vật xung quanh mình có góc vuông, góc không vuông; cách xác định góc vuông, góc không vuông.- Tổ chức nhận xét, tuyên dương.- GV kết hợp giới thiệu bài | <ul style="list-style-type: none">- HS hỏi đáp nhau trước lớp- Lớp nhận xét |
|---|--|

2. Luyện tập

(GV phát phiếu HT)

Bài 1: Những góc sau, góc nào là góc vuông, góc không vuông?



- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cá nhân vào PHT
- Tổ chức báo cáo.

Chốt: Cùng cố cách nhận biết góc vuông, góc không vuông bằng ê ke.

Bài 2: Đọc tên các góc vuông, góc không vuông sau:

- HS nêu yc.
- HS làm việc cá nhân vào PHT
- HS liên tiếp báo cáo kết quả:

Góc a là góc vuông

Góc b, c là góc không vuông

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cặp đôi vào PHT
- Tổ chức báo cáo.

Chốt: Cùng cố cách nhận biết và đọc tên góc vuông, góc không vuông bằng ê ke.

Bài 3: Đọc tên các góc vuông, góc không vuông trong hình sau:

- HS nêu yc.
- HS làm việc cặp vào PHT, sử dụng ê ke để kiểm tra góc vuông, góc không vuông.
- HS liên tiếp báo cáo kết quả, 3 HS lên bảng viết lại kết quả.

Góc không vuông đỉnh P, cạnh PM, PN

Góc không vuông đỉnh E, cạnh EC, ED

Góc vuông đỉnh O, cạnh OA, OB

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc nhóm 4 vào PHT

- HS nêu yc.
- HS làm việc nhóm 4 vào PHT

- Tổ chức báo cáo.

Chốt: Cùng cố cách nhận biết và đọc tên góc vuông, góc không vuông bằng e ke.

3. Vận dụng

Bài 4:

- Vẽ 2 góc vuông, 2 góc không vuông. Sau đó tự đặt tên và đọc tên từng góc đó.
- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cá nhân vào PHT

- Tổ chức đôi chiếu, nhận xét
- Chốt: Cùng cố cách vẽ và đọc tên góc vuông, góc không vuông bằng e ke.*
- Tiết học hôm nay cùng cố cho em kiến thức gì?
- Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà tìm các vật có góc vuông, góc không vuông trong cuộc sống của em.

- HS liên tiếp báo cáo kết quả, nhận xét Góc vuông đỉnh M, cạnh MN, MQ
Góc vuông đỉnh Q, cạnh QM, QP
Góc không vuông đỉnh N, cạnh NM, NP
Góc không vuông đỉnh P, cạnh PN, PQ

- HS nêu yc.
- HS làm việc cá nhân vào PHT, 2 HS lên bảng.
- Lớp thảo luận, nhận xét

- HS nối tiếp nhau trả lời.

- HS theo dõi

TOÁN (TĂNG)

LUYỆN TẬP: HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Ôn tập, củng cố nhận dạng đặc điểm của hình tam giác, hình tứ giác.
- Nhận diện hình nhanh, đọc được tên hình, tên các cạnh, tên các đỉnh của hình tam giác, hình tứ giác. Vẽ được hình theo yêu cầu.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực vào hoạt động vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu HT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- GV cho HS chơi trò chơi “Truyền điện”, hỏi đáp nhau để củng cố về đặc điểm của hình tam giác, hình tứ giác.

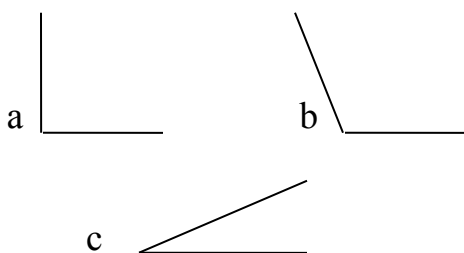
- Tổ chức nhận xét, tuyên dương.

- GV chốt đặc điểm của hình tam giác, hình tứ giác kết hợp giới thiệu bài.

2. Luyện tập

(GV phát phiếu HT)

Bài 1: Kẻ thêm để hình a, b thành tam giác, hình c thành tứ giác.



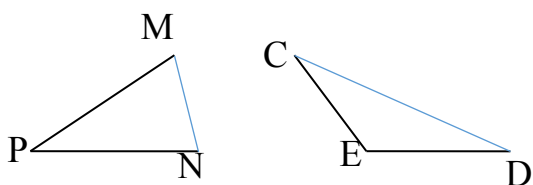
- Cho HS nêu yêu cầu bài

- Cho HS làm việc cá nhân vào PHT

- Tổ chức báo cáo.

Chốt: Củng cố cách nhận biết và kẻ thêm đoạn thẳng để được hình tam giác, hình tứ giác.

Bài 2: Đọc tên các hình tam giác, hình tứ giác sau. Mỗi hình gồm các đỉnh, cạnh nào?



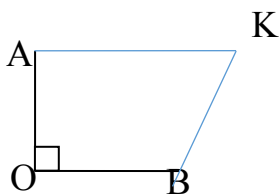
- HS hỏi đáp nhau trước lớp

- Lớp nhận xét

- HS nêu yc.

- HS làm việc cá nhân vào PHT

- HS liên tiếp báo cáo kết quả:



- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cặp đôi vào PHT
- Tổ chức báo cáo.

Chốt: Các đọc tên hình tam giác, hình tứ giác và các đỉnh, các góc của chúng.

Bài 3: Kẻ thêm 1 đoạn thẳng vào hình sau để được 1 hình tam giác và 1 hình tứ giác. Sau đó đặt tên điểm, đọc tên mỗi hình và các đỉnh, cạnh của mỗi hình.

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc nhóm 4 vào PHT
- Tổ chức chữa, nhận xét

Chốt: Các đọc tên hình tam giác, hình tứ giác và các đỉnh, các góc của chúng.

3. Vận dụng

Bài 4:

- Vẽ 1 hình tam giác, 1 hình tứ giác. Sau đó tự đặt tên và đọc tên từng hình.
- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cá nhân vào PHT
- Tổ chức đối chiếu, nhận xét

Chốt: Cùng cố cách vẽ và đọc tên hình

- HS nêu yc.
- HS làm việc cặp vào PHT
- HS liên tiếp báo cáo kết quả, 3 HS lên bảng viết lại kết quả.

Hình tam giác MNP có 3 đỉnh M, N, P và 3 cạnh MN, NP, PM.

Hình tam giác CDE có 3 đỉnh C, D, E và 3 cạnh CD, DE, EM.

Hình tứ giác AKBO có 4 đỉnh A, K, B, O và 4 cạnh AK, KB, BO và OA.

- HS nêu yc.
- HS làm việc nhóm 4 vào PHT
- 1 HS lên bảng chữa bài, lớp nhận xét

- HS nêu yc.
- HS làm việc cá nhân vào PHT, 2 HS lên bảng.
- Lớp thảo luận, nhận xét

tam giác, hình tứ giác.

- Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà tìm thêm các vật có dạng hình tam giác, hình tứ giác trong cuộc sống của em.

- HS nối tiếp nhau trả lời.

- HS theo dõi

TOÁN (TĂNG)

LUYỆN TẬP: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, CHU VI HÌNH TỨ GIÁC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Ôn tập, củng cố cách tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác.
- Tính được cạnh còn lại của hình tam giác, hình tứ giác khi biết chu vi và các cạnh kia.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực vào hoạt động vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu HT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- GV cho HS chơi trò chơi trò chơi “Bông hoa may mắn”. HS sẽ tự lựa chọn bông hoa mình thích, trả lời câu hỏi trên mỗi bông hoa để củng cố về đặc điểm của hình tam giác, hình tứ giác và cách tính chu vi mỗi loại hình.

- Tổ chức nhận xét, tuyên dương.

- GV kết hợp giới thiệu bài

- HS hỏi đáp nhau trước lớp

- Lớp nhận xét

2. Luyện tập

(GV phát phiếu HT)

Bài 1:

- a, Tính chu vi hình tam giác có các cạnh lần lượt là 23 cm, 34 cm và 45 cm.
b, Tính chu vi hình tứ giác có các cạnh lần lượt là 25 cm, 30 cm, 5 dm và 45 cm.

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS nêu lại cách tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác.

- Cho HS làm việc cá nhân vào PHT
- Tổ chức chữa bài, nhận xét.

Chốt: Chu vi hình tam giác bằng tổng độ dài 3 cạnh; chu vi hình tứ giác bằng tổng độ dài 4 cạnh.

Bài 2: a, Tính chu vi hình tam giác có 3 cạnh bằng nhau và bằng 23 cm.

b, Tính chu vi hình tứ giác có 4 cạnh bằng nhau và bằng 12 cm.

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS nêu lại cách tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác trường hợp các cạnh bằng nhau?
- Cho HS làm việc cá nhân vào PHT
- Tổ chức chữa bài, nhận xét.

Chốt: Cách tính chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác trong trường hợp các cạnh bằng nhau.

Bài 3: Hình tam giác có chu vi là 35 cm, biết độ dài 2 cạnh lần lượt là 12 cm và 9 cm. Tính độ dài cạnh còn lại.

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Bài toán cho biết gì?

- HS nêu yc.
- HS nêu: Muốn tính chu vi hình tam giác ta lấy số đo 3 cạnh cộng lại. Muốn tính chu vi hình tứ giác ta lấy số đo 4 cạnh cộng lại.
- HS làm việc vào PHT, 2 HS lên bảng làm.
- Lớp thảo luận.

- HS nêu yc.
- Nhiều HS nêu: Chu vi hình tam giác bằng số đo 1 cạnh nhân 3. Chu vi hình tứ giác bằng số đo 1 cạnh nhân 4.
- HS làm việc theo cặp vào PHT.
- 2 HS lên bảng làm bài.

Bài giải

a, Chu vi hình tam giác là:

$$23 \times 3 = 69 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 69 cm

b, Chu vi hình tứ giác là:

$$12 \times 4 = 48 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 48 cm

- HS nêu yc.
- Bài toán cho biết: Hình tam giác có chu vi là 35 cm, biết độ dài 2 cạnh lần lượt là 12

- Bài toán yêu cầu gì?
- Muốn tính độ dài cạnh còn lại em làm như thế nào?
- Cho HS làm bài vào PHT, chữa, nhận xét.

Chốt: Muốn tính độ dài cạnh còn lại của tam giác ta lấy chu vi trừ đi số đo của 2 cạnh kia..

3. Vận dụng

Bài 4: Hình tứ giác có 4 cạnh bằng nhau, chu vi là một số tròn chục mà chữ số hàng chục là số chẵn lớn nhất có 1 chữ số. Tính độ dài cạnh của tứ giác.

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cặp đôi để phân tích đề toán, tìm hướng giải bài toán và giải bài toán vào PHT.
- Tổ chức báo cáo, nhận xét.

Chốt: Muốn tính độ dài 1 cạnh của tứ giác có các cạnh bằng nhau ta lấy chu vi chia cho 4.

- Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?
- Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà ôn lại những kiến thức về chu vi hình tam giác, hình tứ giác.

cm và 9 cm.

- Bài toán yêu cầu: tính độ dài cạnh còn lại.
- HS nêu theo ý tưởng của mình
- HS làm bài, 1 HS lên bảng chữa bài, lớp nhận xét

Bài giải

Số đo cạnh còn lại là:

$$35 - 12 - 9 = 14 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 14 cm

- HS nêu yc.
- Các cặp làm việc theo yêu cầu.
- 1 đại diện lên chữa bài, giải thích cách làm. Lớp thảo luận, nhận xét.

Bài giải

Số tròn chục mà chữ số hàng chục là số chẵn lớn nhất có 1 chữ số là 80. Vậy chu vi hình tứ giác là 80.

Độ dài một cạnh của tứ giác là:

$$80 : 4 = 20 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 20 cm

- HS nối tiếp nhau trả lời.
- HS theo dõi